UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC **SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**
Số: 701 /QĐ-SGTVT	*Bình Phước, ngày 15 tháng 11 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
V/v xử lý vi phạm trong hoạt động kinh doanh vận tải

GIÁM ĐỐC SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Căn cứ Nghị định số 47/2022/NĐ-CP ngày 19/7/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Căn cứ Quyết định số 05/2019/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông Vận tải tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Công văn số 924/SGTVT-VTPTNL ngày 04/11/2022 của Sở Giao thông vận tải tỉnh Bình Phước về việc yêu cầu kiểm tra, đối chiếu dữ liệu phương tiện vi phạm tốc độ trích xuất từ thiết bị giám sát hành trình tháng 09/2022;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý vận tải phương tiện và người lái,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi 43 phù hiệu của 18 đơn vị kinh doanh vận tải có phương tiện vi phạm tốc độ theo quy định.

(Phụ lục kèm theo)

* Lý do thu hồi phù hiệu: có từ 05 lần vi phạm tốc độ/1000 km xe chạy (không tính các trường hợp vi phạm tốc độ từ 05 km/h trở xuống) theo quy định tại điểm b khoản 10 Điều 22 của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ (số liệu trích xuất tháng 09/2022 từ ngày 01/9/2022 đến ngày 30/9/2022).

Điều 2. Trách nhiệm của các đơn vị kinh doanh vận tải, các bến xe khách.

1. Các đơn vị kinh doanh vận tải

- Có tên tại Điều 1 của Quyết định này chịu trách nhiệm nộp lại phù hiệu xe bị thu hồi nêu trên về Sở Giao thông Vận tải tỉnh Bình Phước thông qua Phòng Quản lý vận tải phương tiện và người lái trong vòng **07 ngày** kể từ ngày ký quyết định này.

- Không được sử dụng phù hiệu bị thu hồi để tham gia hoạt động kinh doanh vận tải.

- Tổ chức kiểm điểm, chấn chỉnh công tác quản lý hoạt động của bộ phận theo dõi an toàn giao thông; yêu cầu đội ngũ lái xe nghiêm chỉnh chấp hành các quy định về tốc độ và thời gian lái xe, thường xuyên kiểm tra thiết bị giám sát hành trình bảo đảm duy trì tình trạng kỹ thuật tốt, hoạt động liên tục và truyền dẫn dữ liệu theo quy định trong suốt quá trình tham gia giao thông.

- Nếu có nhu cầu tiếp tục sử dụng phương tiện tham gia hoạt động kinh doanh vận tải thì đơn vị kinh doanh vận tải làm thủ tục để cấp lại phù hiệu theo quy định tại khoản 7 Điều 22 Nghị định 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020.

2. Các bến xe khách không xác nhận vào Lệnh vận chuyển đối với phương tiện kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định bị thu hồi phù hiệu tại Điều 1 của Quyết định này.

Điều 3. Giao các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở:

1. Phòng Quản lý vận tải phương tiện và người lái có trách nhiệm tổ chức thực hiện thu hồi phù hiệu các phương tiện nêu tại Điều 1 của Quyết định này, lập và giao biên bản thu hồi phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải.

2. Thanh tra Giao thông vận tải phối hợp các lực lượng chức năng tăng cường tuần tra kiểm soát, xử lý nghiêm theo quy định đối với các trường hợp phương tiện còn sử dụng phù hiệu bị thu hồi nêu trên vào hoạt động kinh doanh vận tải.

Điều 4. Các ông (bà) Chánh văn phòng Sở, Chánh Thanh tra Giao thông vận tải, Trưởng phòng Quản lý vận tải phương tiện và người lái, thủ trưởng các đơn vị kinh doanh vận tải tại Điều 1 và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- UBND tỉnh;
- Cục ĐBVN;
- Ban Giám Đốc Sở;
- Sở GTVT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Phòng CSGT - Công an tỉnh;
- Website Sở, Phòng QLVTPTNL, Thanh tra GTVT;
- Các bến xe khách;
- Lưu: VT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Đỗ Văn Phong

PHỤ LỤC

DANH SÁCH PHƯƠNG TIỆN CÁC ĐƠN VỊ VI PHẠM TỐC ĐỘ TỪ 05 LẦN/1000 KM

(Kèm theo Quyết định số 70/QĐ-SGTVT ngày 15/11/2022 của Sở GTVT tỉnh Bình Phước)

Từ ngày: 01/9/2022 Đến ngày: 30/9/2022

STT	Biển kiểm soát	Loại hình	Đơn vị vận tải	Đơn vị truyền dữ liệu	Vi phạm		Tổng km hành trình
					Lần	/1000 Km	
1	93C11667	Xe tải	CÔNG TY TNHH HÙNG VƯƠNG - BÌNH PHƯỚC	Công ty TNHH Phát triển công nghệ điện tử Bình Anh	21	5,44071	3.859,79
2	93C11455	Xe Container	CÔNG TY TNHH MTV DUY KHOA	Viettel Tracking	62	37,91413	1.635,27
3	93C10508	Xe tải	CÔNG TY TNHH TM XD CĐ LINH THUẬN	Công ty TNHH Phát triển công nghệ điện tử Bình Anh	9	9,00000	454,82
4	93C05550	Xe Container	CÔNG TY TNHH TMDV SƠN VŨ	Công ty cổ phần TCT Toàn Cầu	9	7,78166	1.156,57
5	93A06323	Xe trung chuyển	CÔNG TY TNHH VT THÀNH CÔNG	Công ty TNHH Ứng dụng Bản đồ Việt (VIETMAP)	18	5,86077	3.071,27
6	93H00296	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH XD VT CĐ THANH LÊ	Công ty TNHH Phát triển công nghệ điện tử Bình Anh	24	6,25596	3.836,34
7	93F00627	Xe hợp đồng	HTX VẬN TẢI 19/5	Công ty Cổ phần Điện tử viễn thông Ánh Dương	36	9,97487	3.609,07
8	93C07219	Xe tải	HTX VẬN TẢI 19/5	CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG BÌNH MINH	32	19,16803	1.669,45
9	93H02104	Xe tải	HTX VẬN TẢI 19/5	Công ty Cổ phần Điện tử viễn thông Ánh Dương	28	5,67635	4.932,75
10	93H02412	Xe tải	HTX VẬN TẢI 19/5	Công ty cổ phần TCT Toàn Cầu	22	17,84278	1.232,99
11	93H01822	Xe tải	HTX VẬN TẢI 19/5	Công ty Cổ phần Điện tử viễn thông Ánh Dương	19	10,69876	1.775,91
12	93C12757	Xe tải	HTX VẬN TẢI 19/5	Viettel Tracking	17	5,58919	3.041,59
13	93C07094	Xe tải	HTX VẬN TẢI 19/5	Công ty CP Điện Tử Viễn Thông NASA	6	5,57350	1.076,52
14	48H00556	Xe tải	HTX VẬN TẢI 19/5	CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG BÌNH MINH	6	5,01925	1.195,40
15	93H00870	Xe Container	HTX VẬN TẢI 19/5	Công ty cổ phần TCT Toàn Cầu	142	21,33773	6.654,88
16	93B00979	Xe hợp đồng	HTX VẬN TẢI BÌNH LONG	Công ty cổ phần TCT Toàn Cầu	51	5,45349	9.351,81
17	93H02221	Xe đầu kéo	HTX VẬN TẢI BÌNH LONG	Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Viview Việt Nam	24	14,13629	1.697,76
18	93F00071	Xe hợp đồng	HTX VẬN TẢI BÙ ĐỐP	Công ty cổ phần TCT Toàn Cầu	13	5,29867	2.453,45
19	93B00239	Xe tuyến cố định	HTX VẬN TẢI CHƠN THÀNH	Công ty Cổ phần Điện tử viễn thông Ánh Dương	57	9,03787	6.306,80
20	93H03156	Xe tải	HTX VẬN TẢI ĐỒNG TIẾN	Công ty Cổ phần Điện tử viễn thông Ánh Dương	77	29,94240	2.571,60
21	93H03504	Xe tải	HTX VẬN TẢI ĐỒNG TIẾN	Công ty Cổ phần Điện tử viễn thông Ánh Dương	53	9,04795	5.857,68
22	93H00154	Xe tải	HTX VẬN TẢI ĐỒNG TIẾN	CÔNG TY TNHH TARIS	44	8,45060	5.206,73
23	93H00451	Xe tải	HTX VẬN TẢI ĐỒNG TIẾN	Công ty Cổ phần Điện tử viễn thông Ánh Dương	29	5,57316	5.203,51
24	93H00899	Xe tải	HTX VẬN TẢI ĐỒNG TIẾN	Công ty Cổ phần Điện tử viễn thông Ánh Dương	15	6,20369	2.417,92
25	93H03243	Xe tải	HTX VẬN TẢI ĐỒNG TIẾN	Công ty Cổ phần Điện tử viễn thông Ánh Dương	12	5,75914	2.083,64
26	93C08468	Xe tải	HTX VẬN TẢI ĐỒNG XOÀI	Công ty Cổ phần Điện tử viễn thông Ánh Dương	50	10,18915	4.907,18
27	93C08189	Xe tải	HTX VẬN TẢI HÀNG HÓA ĐĂNG KHOA BP	Công ty TNHH Phát triển công nghệ điện tử Bình Anh	99	32,62507	3.034,48
28	93C09413	Xe tải	HTX VẬN TẢI HÀNG HÓA ĐĂNG KHOA BP	CÔNG TY TNHH TARIS	50	33,42258	1.495,99
29	93B00816	Xe hợp đồng	HTX VẬN TẢI LỘC NINH	Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Viview Việt Nam	57	5,71611	9.971,81
30	93B00868	Xe tuyến cố định	HTX VẬN TẢI PHƯỚC LONG	Công ty Cổ phần Điện tử viễn thông Ánh Dương	64	11,23098	5.698,52
31	93B00624	Xe tuyến cố định	HTX VẬN TẢI PHƯỚC LONG	Công ty Cổ phần Điện tử viễn thông Ánh Dương	37	8,88002	4.166,66
32	93C09978	Xe tải	HTX VẬN TẢI PHƯỚC LONG	Công ty Cổ phần Điện tử viễn thông Ánh Dương	15	6,20676	2.416,72
33	95H00240	Xe đầu kéo	HTX VẬN TẢI SONG LONG	Công ty TNHH Phát triển công nghệ điện tử Bình Anh	29	6,81521	4.255,19
34	95H00217	Xe đầu kéo	HTX VẬN TẢI SONG LONG	Công ty TNHH Phát triển công nghệ điện tử Bình Anh	20	7,98922	2.503,37
35	93C10930	Xe tải	HTX VẬN TẢI SONG LONG	Công ty cổ phần TCT Toàn Cầu	10	5,32631	1.877,47

36	93H00606	Xe Container	HTX VẬN TẢI SONG LONG	Công ty TNHH Phát triển công nghệ điện tử Bình Anh	6	5,15686	1.163,50
37	93C10139	Xe Container	HTX VẬN TẢI SỐ 1	Công ty TNHH Ứng dụng Bản đồ Việt (VIETMAP)	45	34,72817	1.295,78
38	93C10599	Xe tải	HTX VẬN TẢI SỐ 1	Công ty TNHH Ứng dụng Bản đồ Việt (VIETMAP)	17	6,43744	2.640,80
39	93C09144	Xe đầu kéo	HTX VẬN TẢI SỐ 1	Công ty cổ phần TCT Toàn Cầu	17	6,59491	2.577,75
40	93C12564	Xe đầu kéo	HTX VẬN TẢI SỐ 1	Công ty cổ phần TCT Toàn Cầu	12	6,40212	1.874,38
41	93C08187	Xe Container	HTX VẬN TẢI SỐ 1	Công ty cổ phần TCT Toàn Cầu	6	6,00000	585,76
42	93H00274	Xe đầu kéo	HTX VẬN TẢI VẠN PHÚC	Công ty TNHH Phát triển công nghệ điện tử Bình Anh	11	5,47418	2.009,43
43	93H00078	Xe tải	HTX VẬN TẢI VẠN PHÚC	Công ty Cổ phần VCOMSAT	11	7,35883	1.494,80